

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ

Đỗ Thị Mẫn¹

TÓM TẮT

Bài báo tập trung phân tích và đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tỉnh Thanh Hoá thông qua số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp thu thập từ DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, nguyên nhân, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DNNVV tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới, gồm các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp, nâng cao trình độ khoa học công nghệ, giải pháp về nâng cao hiệu quả tiếp cận chính sách hỗ trợ của địa phương, đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu thị trường và tăng cường chuyển đổi số để thích ứng với bối cảnh mới.

Từ khoá: *Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiệu quả kinh doanh, tỉnh Thanh Hoá.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Cùng với việc đóng góp cho xã hội khối lượng hàng hóa lớn và giải quyết nhiều việc làm cho người lao động, các DNNVV còn tạo nên nguồn thu nhập ổn định cho một bộ phận dân cư, khai thác các nguồn lực và tiềm năng tại chỗ của địa phương. Đóng góp lớn nhất và quan trọng nhất của DNNVV là tạo việc làm và góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội. Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đã có những bước tiến quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tạo điều kiện cho các DNNVV phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của các DNNVV trên địa bàn tỉnh chưa cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế nói chung còn thấp, tỷ trọng doanh nghiệp đi vào hoạt động SXKD có doanh thu trong năm thấp so với tổng chung [1]. Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá, năm 2021, hoạt động SXKD của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, có 336 doanh nghiệp giải thể, tăng 2,1 lần so với năm 2020, 1.505 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 25,3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế của DNNVV trong thời gian qua đều lỗ. Mức lỗ tăng lên đỉnh điểm vào năm 2020, năm 2021 mức lỗ đã giảm nhưng không đáng kể. Mặc dù số doanh nghiệp có lãi nhiều hơn so với số doanh nghiệp thua lỗ, tuy nhiên mức lỗ cao, do vậy tổng lợi nhuận của các DNNVV vẫn âm [5]. Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả kinh doanh của DNNVV thông qua dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, từ đó chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của DNNVV tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: dothiman@hdu.edu.vn

2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THANH HOÁ

2.1. Tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động SXKD tính đến thời điểm 31/12 hàng năm được tổng hợp theo bảng 1, theo đó tổng số doanh nghiệp có hoạt động SXKD qua 3 năm từ 2019 đến 2021 tăng không đáng kể. Cụ thể, năm 2019 tổng số doanh nghiệp có hoạt động là 11575 doanh nghiệp, năm 2020 số lượng này giảm nhẹ và tăng trở lại vào năm 2021. Trong số các doanh nghiệp có hoạt động thì số doanh nghiệp Nhà nước bị giảm mạnh (năm 2019 có 28 doanh nghiệp đang hoạt động thì năm 2021 giảm còn 16 doanh nghiệp, bên cạnh đó số lượng doanh nghiệp ngoài Nhà nước có hoạt động chiếm tỷ lệ cao nhất và tăng nhẹ từ năm 2019 đến năm 2021, trong số này thì số lượng công ty trách nhiệm hữu hạn có hoạt động chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là các công ty cổ phần không có vốn Nhà nước. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có hoạt động chiếm tỷ lệ không cao tuy nhiên tăng số doanh nghiệp có hoạt động từ năm 2019 đến năm 2021.

Bảng 1. Số doanh nghiệp đang hoạt động SXKD tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo loại hình doanh nghiệp

Tổng số	Số lượng doanh nghiệp			% thay đổi	
	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
	11575	11542	11634	99.71	100.80
Doanh nghiệp Nhà nước	28	18	16	64.29	88.89
Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước	14	10	9	71.43	90.00
Doanh nghiệp hơn 50% vốn Nhà nước	4	8	7	57.14	87.50
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	11477	11436	11523	99.64	100.76
Tư nhân	1376	582	685	42.30	117.70
Công ty hợp danh	18	34	24	188.89	70.59
Công ty TNHH	7564	8127	8072	107.44	99.32
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước	5	26	34	520.00	130.77
Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước	2514	2667	2708	106.09	101.54
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	70	88	95	125.71	107.95
Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	55	73	68	132.73	93.15
Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài	15	15	27	100	180

Nguồn: Cục thống kê Thanh Hoá

2.2. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

Giai đoạn 2019 - 2022 các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch covid-19; giá xăng dầu, nguyên, nhiên vật liệu tăng ở mức cao, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn đạt được những kết quả tích cực: Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá, số nộp ngân sách nhà nước khu vực doanh nghiệp năm 2022 ước đạt 11.206,4 tỷ đồng, chiếm 37,2% tổng thu nội địa, tăng 40,8% so với cùng kỳ, trong đó: (i) doanh nghiệp nhà nước trung ương nộp 1.755 tỷ đồng, đạt 108,3% dự toán giao, tăng 2,2% so với cùng kỳ; (ii) doanh nghiệp nhà nước địa phương nộp 127,4 tỷ đồng, đạt 134,1% dự toán giao, tăng 12,3% so với cùng kỳ; (iii) doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp 6.714 tỷ đồng,

đạt 202,7% dự toán giao, tăng 73,1% so với cùng kỳ; (iv) doanh nghiệp khu vực dân doanh nộp 2.610 tỷ đồng, đạt 132,8% dự toán giao, tăng 15,9% so với cùng kỳ [5]. Tuy nhiên trong bối cảnh 2 năm 2020, 2021 bị ảnh hưởng quá lớn vì dịch bệnh nên các doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn chưa có những bước phát triển đủ lớn.

Tổng doanh thu thuần hàng năm của DNNVV có xu hướng tăng lên (bảng 2). Năm 2019, tổng doanh thu thuần là 282.080,2 tỷ đồng, năm 2020 con số này là 294.401 tỷ đồng và năm 2021 tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp tăng lên 6,45% so với năm 2020, tương ứng ở mức 313.395,7 tỷ đồng. Tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ lệ cao nhất và con số này tăng mạnh năm 2020 so với năm 2019 (tăng 16,9%), năm 2021 tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp thuộc khu vực này cũng đã tăng nhẹ so với năm 2020 (tăng 3,18%). Đứng thứ hai về tổng doanh thu thuần thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ trọng cao hơn. Mặc dù tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp năm 2020 giảm so với năm 2019 nhưng đến năm 2021 thì con số này đã tăng trở lại. Trong số 3 nhóm doanh nghiệp thì tổng doanh thu thuần của nhóm các doanh nghiệp nhà nước là thấp nhất và có xu hướng giảm từ năm 2019 đến năm 2021. Đặc biệt năm 2020, trước ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid 19, tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sụt giảm hơn 70% và tiếp tục giảm trong năm 2021.

Bảng 2. Doanh thu thuần SXKD của các doanh nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp

Tổng số	Doanh thu thuần (tỷ đồng)			% thay đổi	
	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
		282080,2	294401	313395,7	104.37
DN Nhà nước	12824,9	8287,8	7865,6	64.62	94.91
DN 100% vốn Nhà nước	4147,8	1176,8	1065	28.37	90.50
DN hơn 50% vốn Nhà nước	8677,1	7111	6800,6	81.95	95.63
DN ngoài Nhà nước	154672,8	180810,4	186564,8	116.90	103.18
Tư nhân	5536,5	4345,2	4678	78.48	107.66
Công ty hợp danh	11,5	48,6	38,5	422.61	79.22
Công ty TNHH	86137,2	97422	100738,7	113.10	103.40
Công ty cổ phần có vốn nhà nước	446,4	475,7	496,3	106.56	104.33
Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước	62541,2	78248,9	80613,3	125.12	103.02
DN có vốn đầu tư nước ngoài	114582,5	105302,8	118965,3	91.90	112.97
DN 100% vốn nước ngoài	21085	23934,9	19089,1	113.52	79.75
DN liên doanh với nước ngoài	93497,5	81367,9	99876,2	87.03	122.75

Nguồn: Cục thống kê Thanh Hoá

Nếu phân theo ngành nghề kinh doanh thì trong 3 năm ảnh hưởng của đại dịch Covid, nhóm doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều nhất là các doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nóng và điều hoà không khí (năm 2020 tổng doanh thu thuần giảm hơn 70% so với năm 2019), năm 2021 tổng doanh thu thuần của nhóm doanh nghiệp này tuy có tăng trở lại nhưng không đáng kể. Tiếp đến là nhóm các doanh nghiệp hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (tổng doanh thu thuần năm 2020 so với năm 2019 chỉ còn 29%), tiếp đến là các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành nghệ thuật, vui chơi, giải trí và nhóm ngành dịch vụ khác. Các doanh nghiệp có tổng doanh thu thuần tăng đều qua 3 năm do ít chịu tác động của đại dịch bao gồm doanh nghiệp thuộc nhóm ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, và xe có động cơ khác, các doanh nghiệp nhóm ngành vận tải, kho bãi, các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ, nhóm ngành hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ, và các doanh nghiệp nhóm ngành giáo dục đào tạo.

Bảng 3. Doanh thu thuần SXKD của các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế

Tổng số	Doanh thu thuần (tỷ đồng)			% thay đổi	
	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
	282080.2	294401	313395.7	104.37	106.45
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4378.1	3364.3	3957.2	76.84	117.62
Khai khoáng	3980.7	3304.8	3886.2	83.02	117.59
Công nghiệp chế biến, chế tạo	152648.8	158669.4	156781.5	103.94	98.81
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nóng và điều hoà không khí	3766.8	991.8	1543.5	26.33	155.63
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1061.4	1174.8	1054.2	110.68	89.73
Xây dựng	26851.6	28259.2	28163	105.24	99.66
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, và xe có động cơ khác	69140.1	77355.4	94148.6	111.88	121.71
Vận tải, kho bãi	8810.8	9898.1	12068.3	112.34	121.93
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3266.8	2399.7	2267.2	73.46	94.48
Thông tin và truyền thông	126	88	108	69.84	122.73
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	587.8	173.7	196.5	29.55	113.13
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2504.8	2899.5	2778.2	115.76	95.82
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1908.3	2512.3	2788.3	131.65	110.99
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1291	1586.5	1787.2	122.89	112.65
Giáo dục và đào tạo	185	223.7	243.4	120.92	108.81
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1206.5	1281	1399	106.17	109.21
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	124.8	82.7	85.4	66.27	103.26
Hoạt động dịch vụ khác	240.9	136.1	140	56.50	102.87

Nguồn: Cục thống kê Thanh Hoá

Lợi nhuận trước thuế của DNNVV trong thời gian qua đều lỗ. Mức lỗ tăng lên đỉnh điểm vào năm 2020, năm 2021 mức lỗ đã giảm nhưng không đáng kể (bảng 4). Mặc dù số doanh nghiệp có lãi nhiều hơn nhiều so với số doanh nghiệp thua lỗ, tuy nhiên mức lỗ cao do vậy tổng lợi nhuận của các DNNVV vẫn âm.

Bảng 4. Lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp

Tổng số	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)			% thay đổi	
	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
		-23429.2	-28284.2	-25657.8	120.72
DN Nhà nước	272	93.6	18.5	34.41	19.76
DN 100% vốn Nhà nước	20.5	1.7	-3.3	8.29	(194.12)
DN hơn 50% vốn Nhà nước	251.5	91.9	21.8	36.54	23.72
DN ngoài Nhà nước	-1574.5	-426.3	-498.2	27.08	116.87
Tư nhân	69.3	-9.2	-6.8	13.28	73.91
Công ty hợp danh	0.4	0.5	-0.8	125.00	(160.00)
Công ty TNHH	-971.4	-216.3	-332	22.27	153.49
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước	2.8	32.1	26	1,146.43	81.00
Công ty cổ phần không có vốn nhà nước	-675.6	-233.4	-184.6	34.55	79.09
DN có vốn đầu tư nước ngoài	-22126.7	-27951.5	-25159.6	126.32	90.01
DN 100% vốn nước ngoài	252.6	-48.8	189	(19.32)	(387.30)
DN liên doanh với nước ngoài	-22379.3	-27902.7	-25348.6	124.68	90.85

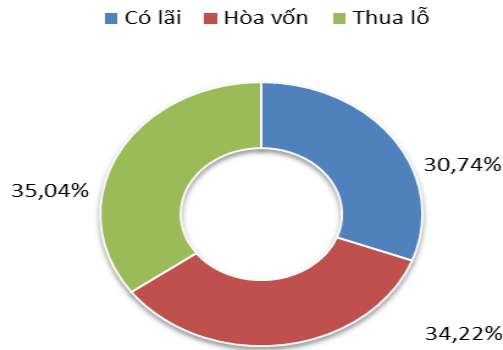
Nguồn: Cục thống kê Thanh Hoá

2.3. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hoá từ mẫu khảo sát doanh nghiệp

Trong nghiên cứu này, tác giả chọn khảo sát 500 DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá theo phương pháp thuận tiện, kết quả thu về có 488 mẫu hợp lệ đưa vào phân tích.

2.3.1. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Có thể nói trong những năm vừa qua, các DNNVV tỉnh Thanh Hóa đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn. Tuy nhiên, do hạn chế về tiếp cận chính sách, nâng cấp đầu tư thiết bị, cộng với dịch bệnh Covid bùng phát đã khiến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa tạm thời. Tất cả những điều đó dẫn đến tỷ lệ nhiều DNNVV làm ăn thua lỗ. Cụ thể, có tới 35,04% doanh nghiệp khảo sát làm ăn thua lỗ, chỉ có 30,74% doanh nghiệp làm ăn có lãi.



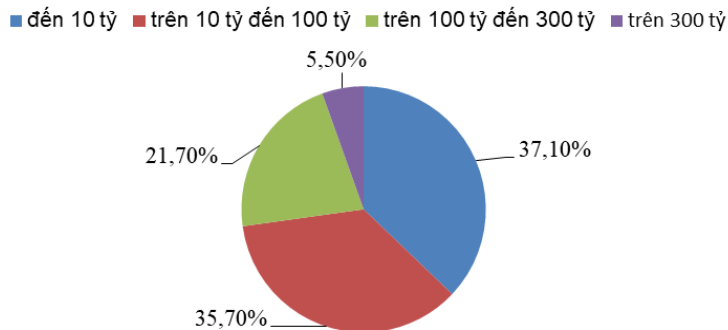
Biểu đồ 1. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả

Từ các phân tích trên cho thấy, cơ cấu doanh nghiệp trong nghiên cứu sát với thực tế. Tính đến thời điểm cuối năm 2022 các DNNVV trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình kinh doanh gặp nhiều khó khăn (chỉ 34,22% số doanh nghiệp hòa vốn). Điều này là do quy mô doanh nghiệp nhỏ, vốn ít, công nghệ không hiện đại, lao động ít và tay nghề không cao là những đặc điểm khiến DNNVV tại Thanh Hoá dễ bị tổn thương và gặp khó khăn khi điều kiện bất lợi tác động.

2.3.2. Tổng doanh thu bình quân của các doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra cho thấy, có tới 37,1% các DNNVV có doanh thu bình quân dưới 10 tỷ đồng (tương ứng có 181 doanh nghiệp), tiếp đến số doanh nghiệp có doanh thu bình quân từ 10 tỷ đến dưới 100 tỷ đồng chiếm tỷ lệ là 35,7% tương ứng có 174 DNNVV. Bên cạnh đó, doanh thu bình quân trên 100 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng chiếm tỷ lệ là 21,7% tương ứng có 106 doanh nghiệp, kể đến số doanh nghiệp trên 300 tỷ đồng chiếm tỷ lệ ít nhất là 5,5% tương ứng có 27 doanh nghiệp.



Biểu đồ 2. Doanh thu bình quân của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả

2.3.3. Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp

Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng các thang đo chủ quan để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng doanh thu trong dài hạn, doanh nghiệp có khả năng thu hút các khách hàng tiềm năng, doanh nghiệp có khả năng tiết kiệm chi phí, doanh nghiệp có khả năng sinh lời trong dài hạn, doanh nghiệp

có khả năng gia tăng mở rộng và phát triển thị phần trong dài hạn [2]. Các thang đo được đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5, trong đó: 1 - Rất không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Bình thường; 4 - Đồng ý; 5 - Rất đồng ý. Kết quả khảo sát từ các doanh nghiệp cho thấy trong 488 doanh nghiệp, không có doanh nghiệp nào rất không đồng ý, chỉ có 10 doanh nghiệp không đồng ý về các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh, số lượng các doanh nghiệp cảm thấy bình thường về các tiềm năng hiệu quả kinh doanh trong dài hạn chiếm tỷ lệ nhỏ. Phần lớn các doanh nghiệp đều đồng ý và rất đồng ý với các triển vọng hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Mức điểm trung bình được các doanh nghiệp đánh giá đối với các chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh đều trên 4 điểm. Kết quả này cho thấy mặc dù trong giai đoạn 2019 - 2022 các doanh nghiệp đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nghiêm trọng từ đại dịch covid-19, xong các doanh nghiệp đều có niềm tin rất lớn vào tiềm năng kinh doanh trong tương lai.

Bảng 5. Đánh giá về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp

Đánh giá chung về hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp	Số lượng doanh nghiệp đánh giá					Mức điểm TB
	1	2	3	4	5	
Doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng doanh thu trong dài hạn	0	1	43	315	129	4.17
Doanh nghiệp có khả năng thu hút các khách hàng tiềm năng	0	0	25	326	137	4.23
Doanh nghiệp có khả năng tiết kiệm chi phí	0	3	26	408	51	4.03
Doanh nghiệp có khả năng sinh lời trong dài hạn	0	4	29	389	66	4.06
Doanh nghiệp có khả năng gia tăng mở rộng và phát triển thị phần trong dài hạn	0	2	28	401	57	4.05

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát của tác giả

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Kết quả đạt được

Tính đến 19/10/2022, có 1.083 doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động, tăng 21,8% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 1.080 doanh nghiệp, giảm 10,1% so với cùng kỳ. Đa phần số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có quy mô vốn nhỏ; vẫn có 30,74% doanh nghiệp được khảo sát làm ăn có lãi.

Doanh thu thuần của các có xu hướng tăng lên, trong đó tổng doanh thu thuần của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm tỷ lệ cao nhất.

Các chương trình, chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh sau 2 năm ảnh hưởng của dịch covid-19, Thanh Hóa đã thực hiện hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, hỗ trợ về công nghệ, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực. Tổng kinh phí thực hiện các chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong năm 2022 là hơn 14,2 tỷ đồng.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, DNNVV trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá trong giai đoạn 2019 - 2022 còn những tồn tại, hạn chế chủ yếu, đó là:

Các doanh nghiệp vẫn tập trung chủ yếu ở thành phố Thanh Hóa. Các khu vực ven biển và miền núi vẫn chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế. Bên cạnh đó tính liên kết, hợp tác kinh doanh quy mô lớn nhằm tham gia chuỗi giá trị sản phẩm chưa nhiều, nhất là giữa doanh nghiệp nhỏ với các doanh nghiệp lớn, giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Do hạn chế về tiếp cận chính sách, nâng cấp đầu tư thiết bị, cộng với dịch bệnh covid-19 bùng phát đã khiến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa tạm thời. Tất cả những điều đó dẫn đến tỷ lệ nhiều DNNVV làm ăn thua lỗ.

Doanh thu các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa đều giảm với mức giảm tương ứng là 6,22%; 4,06% và 4,18%. Riêng nhóm doanh nghiệp lớn, ước tính doanh thu tăng 2,43%. Phân theo ngành kinh tế cấp 1: có 14 ngành kinh tế có doanh thu giảm, ngành có doanh thu giảm sâu nhất giảm là 21,09%. Có 4 ngành dự kiến doanh thu tăng, ngành có doanh thu dự ước tăng cao nhất là công nghiệp chế biến chế tạo tăng 3,76%.

Số doanh nghiệp thành lập mới vẫn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Năng lực quản trị điều hành kinh doanh của nhiều chủ doanh nghiệp còn hạn chế. Cùng với những tác động của tình hình dịch bệnh đang khiến hoạt động SXKD của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

Quá trình thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp chưa có sự bứt phá; phần lớn doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm, hàng hóa; khả năng cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp còn thấp, nhất là các sản phẩm công nghiệp; các sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ cao còn ít.

Giá xăng dầu, nguyên, nhiên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao; tác động đến đời sống của người dân, hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Một số quy định của pháp luật và các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp của Trung ương được ban hành song thiếu đồng bộ, khó khăn trong tổ chức thực hiện, nhất là việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ DNNVV.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ

Từ đánh giá hạn chế và nguyên nhân, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả kinh doanh của DNNVV tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ doanh nhân nhằm hình thành đội ngũ doanh nhân có đủ khả năng lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Thứ hai, doanh nghiệp cần có các giải pháp nâng cao năng lực tài chính như khai thác có hiệu quả các nguồn vốn mà doanh nghiệp có khả năng tiếp cận như nguồn vốn nội bộ là từ các quỹ, các cổ đông... và các nguồn vốn bên ngoài như tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng, khách hàng ứng trước, tín dụng thuê mua tài sản... Sử dụng tiết kiệm vốn trong các khâu SXKD nhằm giảm nhu cầu vốn, chi phí sử dụng vốn là cơ sở để tăng lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ ba, các doanh nghiệp cần nâng cao trình độ khoa học công nghệ trong tất cả các khâu từ tổ chức điều hành doanh nghiệp đến tổ sản xuất, trình độ công nghệ trong sản phẩm, trong quá trình phân phối, tiêu thụ; tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong SXKD. Định vị rõ được vị thế của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị và xây dựng, lựa chọn được định hướng, mục tiêu và chiến lược phát triển công nghệ.

Thứ tư, các doanh nghiệp cần tăng cường khả năng tiếp chính sách hỗ trợ của địa phương. Các doanh nghiệp cần thành lập bộ phận nghiên cứu văn bản pháp luật; nâng cao năng lực quản trị; xây dựng đội ngũ chất lượng cao; phải minh bạch thông tin về hồ sơ để tiếp cận dễ dàng trong quan hệ tín dụng, nhận chính sách hỗ trợ.

Thứ năm, doanh nghiệp cần đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu. Doanh nghiệp cần hình thành, xây dựng bộ phận marketing có cán bộ trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm điều tra và dự báo thị trường, trên cơ sở đó giúp chủ doanh nghiệp hoạch định chiến lược kinh doanh và chiến lược marketing một cách có hiệu quả.

Thứ sáu, cần tập trung các giải pháp tăng cường khả năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp, trước hết là nâng cao nhận thức về yêu cầu chuyển đổi số cũng như kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp cũng như toàn thể người lao động, đồng thời từng bước hoàn thiện yêu cầu về số hoá trong mọi khâu của hệ thống doanh nghiệp.

4. KẾT LUẬN

Bài báo đã phân tích và đánh giá được thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh của DNNVV tỉnh Thanh Hoá thông qua số liệu thứ cấp thu thập từ Cục thống kê Thanh Hoá và sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá, đồng thời cũng đã phân tích được thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh của các DNNVV thông qua mẫu khảo sát 500 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả kinh doanh của các DNNVV tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới, gồm các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp, nâng cao trình độ khoa học công nghệ, giải pháp về nâng cao hiệu quả tiếp cận chính sách hỗ trợ của địa phương, đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu thị trường và tăng cường chuyển đổi số để thích ứng với bối cảnh mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa (2022), *Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hoá 2022*, Nxb. Cục Thống kê, Hà Nội.
- [2] Bùi Văn Huyền, Đỗ Thị Mẫn, Đỗ Tuấn Vũ (2023), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: tình huống của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hoá, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 177, tr.69-80.

- [3] Nguyễn Thị Hoàng Lý (2019), *Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Hoà Bình*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [4] Bùi Huy Trung, Mai Hương Giang (2021), *Nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 6, tr.40-56.
- [5] Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá (2022), *Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp năm 2021, 2022 và kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2023*, tài liệu lưu hành nội bộ.
- [6] UBND tỉnh Thanh Hoá (2021), *Quyết định 3487/QĐ-UBND ngày 7/9/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021-2025*.

SOLUTIONS TO IMPROVE BUSINESS PERFORMANCE OF SMALL AND MEDIUM - SIZED ENTERPRISES (SMES) IN THANH HOA PROVINCE

Do Thi Man

ABSTRACT

The article focuses on analyzing and evaluating the business performance of SMEs in Thanh Hoa province via secondary and primary data collected from Thanh Hoa SMEs. On the basis of assessing the achieved results and the limitations as well as causes, the author proposed a number of solutions to improve the business performance of SMEs in Thanh Hoa province in the coming time, including solutions to develop human resources and improve the quality of enterprise's leaders, improve financial capacity for enterprises, improve science and technology level; solutions to improve the effectiveness of local supporting policies, promote investment in market research activities and enhance digital transformation to adapt to the new context.

Keywords: *Small and medium-sized enterprises, business performance, Thanh Hoa province.*

* Ngày nộp bài: 16/4/2023; Ngày gửi phản biện: 19/4/2023; Ngày duyệt đăng: 28/8/2023